

XUẤT KHẨU NÔNG SẢN VÀO THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TH.S NGUYỄN THỊ ĐƯỜNG

*Trường Cao đẳng Kinh tế –
Kỹ thuật – Thương mại*

Trong những năm gần đây xuất khẩu nông sản Việt Nam vào thị trường Trung Quốc tuy đã đạt được nhiều thành tích quan trọng nhưng trên thực tế sức cạnh tranh của nông sản còn yếu và đang phải đối mặt với nhiều đối thủ cạnh tranh từ các nước ASEAN.

Bài viết này tập trung phân tích, đánh giá những tồn tại và đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu nông sản vào thị trường Trung Quốc trong bối cảnh hai nước là thành viên của WTO, Hiệp định ACFTA bắt đầu có hiệu lực và chương trình hợp tác Hai hành lang, một vành đai kinh tế được triển khai đã đưa mối quan hệ thương mại giữa hai nước theo các chuẩn mực quốc tế.

1. Những tồn tại trong xuất khẩu nông sản Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

1.1. Những tồn tại về chất lượng hàng nông sản và việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Hạn chế lớn nhất của nông sản Việt Nam là chỉ có khoảng 10% hàng xuất khẩu

có thương hiệu, còn lại 90% là “mượn” thương hiệu nước ngoài khi thông qua trung gian để bán. Ví dụ trong ngành cà phê, 95% lượng hàng xuất khẩu là không thương hiệu.

Hiện nay, nông sản xuất khẩu vào Trung Quốc chủ yếu dưới dạng thô, nhưng ngay cả xuất thô cũng làm chưa tốt. Sự bùng ra tràn lan, gia đình nào cũng thành doanh nghiệp khiến việc sản xuất hàng xuất khẩu manh mún, có nguy cơ quay lại cơ chế sản xuất tiểu nông. Với ngành chè, sự manh mún làm cho chất lượng và giá chè sụt giảm chỉ còn 1 USD/kg, trong khi giá trên sàn giao dịch quốc tế vào khoảng 3,7 USD/kg, 9 tháng đầu năm 2010 lượng chè xuất khẩu chỉ có 100.000 tấn nhưng có hơn 600 doanh nghiệp tham gia. Trong ngành cao su, từ khi bùng ra cho mọi thành phần kinh tế thì có hiện tượng bán hàng bất chấp chất lượng, nguy hiểm nhất là thói quen bán hàng xô cho Trung Quốc đã dần hình thành thói quen bán xô cho mọi đối tác khác. Trong ngành cà phê, gạo cũng có tình trạng tương tự.

Một trong những yếu kém của sản xuất nông sản hiện nay là vấn đề giống và kỹ thuật canh tác mới, đây là những yếu tố mà trình độ của chúng ta còn thấp so với yêu cầu và thấp hơn nhiều quốc gia trên thế giới. Do sản xuất manh mún, nên không thể có số lượng hàng hóa đủ lớn và ổn định về chất lượng cho xuất khẩu. Vấn đề tổ chức sản xuất để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy trình canh tác GAP (Good Agricultural Practice) sạch và hữu cơ theo quy định quốc tế còn rất yếu kém do việc trồng trọt, chế biến nông sản chủ yếu vẫn do các hộ nông dân tự làm nên còn nhiều bất cập. Trong ngành rau quả, do chưa thực hiện quy trình GAP nên dư lượng thuốc bảo vệ thực vật thường vượt mức cho phép vì vậy nếu không áp dụng qui trình GAP, không canh tác trong nhà kính, nhà lưới, không tưới tiêu, chăm bón theo chế độ hữu cơ thì không thể có sản lượng đủ lớn, và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho xuất khẩu. Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã áp dụng chế độ kiểm dịch thực vật theo quy định của SPS, hàng hóa nhập khẩu phải kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm. Do không đáp ứng được yêu cầu này nên nhiều lô hàng nông sản Việt Nam không được chấp nhận.

1.2. Những tồn tại trong lĩnh vực mậu dịch biên giới.

Khi xuất khẩu nông sản vào Trung Quốc, đa số doanh nghiệp Việt Nam đều lựa chọn hình thức xuất khẩu biên mậu tiềm ẩn đầy rủi ro. Với sự phân cấp mạnh của Trung ương, các địa phương của Trung Quốc đã làm chủ trong việc điều tiết hàng

hóa nhập khẩu tại các cửa khẩu về số lượng, chất lượng và giá cả. Trung Quốc luôn áp dụng những chính sách biên mậu đặc biệt như tăng giảm mức phí biên mậu ở từng thời điểm, mùa vụ làm ảnh hưởng lớn tới giá mua vào của các tiểu thương Trung Quốc khiến cho doanh nghiệp Việt Nam dễ rơi vào tình huống bị ép giá. Một cách khác là, Trung Quốc có thể tăng cường kiểm soát gắt gao vệ sinh an toàn thực phẩm nếu muốn siết chặt lượng hàng nhập vào, hoặc nói lỏng kiểm tra, giám sát nếu muốn tăng lượng hàng nhập vào từ Việt Nam. Thậm chí có lúc Trung Quốc thay đổi chính sách biên mậu nhưng lại không thông báo khiến nhiều doanh nghiệp Việt Nam không nắm kịp thông tin, phải chịu tổn thất lớn. Với chính sách quá khôn khéo như vậy, *Trung Quốc hoàn toàn chủ động mua hàng vào khi giá thấp và khi cần có thể hạn chế lượng hàng nhập khẩu, điều chỉnh được giá bán của doanh nghiệp Việt Nam.* Điều này không vi phạm quy định của WTO vì các chính sách chỉ áp dụng cho hàng hoá qua đường biên mậu mà không áp dụng cho hình thức xuất khẩu chính ngạch.

1.3. Những tồn tại về công tác thông tin thị trường và xúc tiến thương mại

Sự hiểu biết của doanh nghiệp Việt Nam về những quy định, thủ tục, luật lệ của Trung Quốc còn rất hạn chế. Nhiều chủ thể chạy theo lợi ích ngắn hạn nên xảy ra tình trạng “dễ làm, khó bỏ”, năng lực tiếp cận thị trường xuất khẩu rất yếu. Chúng ta chưa có một cơ quan chuyên trách về thị trường Trung Quốc, nhiều cơ

quan nghiên cứu về Trung Quốc nhưng lượng thông tin lại thất thường, sự phối hợp còn hạn chế, thiếu cán bộ phân tích thị trường, cán bộ thu thập thông tin được đào tạo bài bản, nhất là *thiếu những người có đủ tầm trong việc hoạch định và tổ chức công tác dự báo thị trường hiệu quả nên dẫn tới tình trạng hàng ách tắc dọc biên giới diễn ra triền miên.*

Công tác xúc tiến thương mại còn kém hiệu quả. Cho đến nay, Việt Nam chưa có một chương trình quảng bá, quảng cáo mang tính hệ thống và liên tục cho hàng hoá xuất khẩu vào Trung Quốc, nhất là thị trường các tỉnh như Vân Nam, Quảng Tây, Quý Châu và Tứ Xuyên.

1.4. Những tồn tại về cơ sở hạ tầng cho hoạt động thương mại.

Việt Nam chưa tận dụng có hiệu quả lợi thế vị trí địa lý gần kề để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản vào Trung Quốc do cơ sở hạ tầng yếu kém, trang thiết bị các cửa khẩu còn thiếu thốn, chưa có các kho lạnh bảo quản nông sản tại biên giới để hỗ trợ cho xuất khẩu, đường bộ xuống cấp nghiêm trọng, vận chuyển đường sông chưa phát triển, đường hàng không thì chi phí cao hơn các nước trong khu vực. Lạng Sơn được coi là có cơ sở hạ tầng tốt nhất trong các tỉnh biên giới song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Lào Cai có cửa khẩu quốc tế và lượng hàng hoá xuất nhập khẩu lớn nhưng cơ sở vật chất ở tình trạng rất báo động. Tuyến quốc lộ 70 mặc dù đã được nâng cấp nhưng mới đáp ứng được 50% nhu cầu vận chuyển. Tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai vẫn sử dụng hệ đường ray 1.100mm, vì vậy hàng hoá qua lại giữa hai bên đều tốn nhiều thời gian, chi phí và

hiện chỉ đáp ứng được 1/3 nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách. Với Lai Châu, các huyện tiếp giáp Trung Quốc có cơ sở hạ tầng yếu kém nên chi phí vận chuyển bị đẩy lên rất cao.

1.5. Những tồn tại về môi trường pháp lý.

Hệ thống văn bản pháp lý điều chỉnh quan hệ thương mại Việt - Trung khá đầy đủ, tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn nhiều bất cập. Cơ chế kiểm tra hải quan một lần chưa được thực hiện nên hàng hóa xuất khẩu vào Trung Quốc, nhất là hàng tươi sống hay bị gây khó dễ bởi mã hàng của hai bên không thống nhất. Giải thích luật để thực hiện không đồng nhất nên doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong thực tế kinh doanh biên mậu. Chứng chỉ vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được hai bên công nhận lẫn nhau.

Chính sách của Trung Quốc chưa có sự giải thích và thực hiện thống nhất trong toàn quốc, địa phương còn tùy tiện, nhất là việc chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa để hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) và Chương trình thu hoạch sớm (EHP). Đây là trở ngại đã kéo dài nhiều năm mà Việt Nam vẫn chưa khắc phục được.

2. Một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu nông sản Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

2.1. Nâng cao chất lượng hàng nông sản, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trước hết cần tập trung đầu tư cho công tác giống để tạo bước đột phá về năng

suất và chất lượng hàng nông sản. Hiện nay, việc sử dụng giống cây trồng còn tùy tiện, hầu hết người nông dân tự sản xuất giống cây cho mình từ vụ thu hoạch trước hoặc mua giống trôi nổi trên thị trường, nhất là các loại cây ăn quả, cây lương thực, cây rau mầu. Phần lớn các loại giống đang sử dụng có năng suất và chất lượng thấp hơn so với các nước trên thế giới. Năng suất lúa của Việt Nam chỉ bằng 61% năng suất lúa của Trung Quốc và thấp hơn nhiều so với Nhật Bản. Cao su mới đạt năng suất 1,1 tấn/ha, so với thế giới là 1,5 - 1,8 tấn/ha, thấp hơn tới 30 - 40%. Vì vậy, Nhà nước cần đầu tư thích đáng cho nghiên cứu giống mới, nhập khẩu giống mới, nhân giống và cải tạo giống; hỗ trợ nông dân trong sử dụng giống mới. Chính phủ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học cho các cơ quan nghiên cứu và dành một phần kinh phí từ nguồn ngân sách cấp cho hoạt động khoa học - công nghệ hàng năm để giao cho các tổ chức và cá nhân thực hiện một số đề tài nghiên cứu về giống. Khuyến khích chuyển giao kết quả nghiên cứu giữa nhà khoa học và cơ sở sản xuất giống để đưa nhanh giống mới vào sản xuất đại trà như mô hình chuyển nhượng giống lúa TH3-3 (một giống lúa lai hai dòng có thời gian sinh trưởng ngắn, gạo ngon dẻo, khả năng chống chịu sâu bệnh cao), trị giá 10 tỷ đồng giữa PGS.TS Nguyễn Thị Trâm, nguyên giảng viên Trường Đại học Nông nghiệp I và Công ty TNHH Cường Tân (Nam Định).

Quy hoạch lại các cơ sở sản xuất giống, hình thành một hệ thống cung ứng giống tốt cho sản xuất, từ giống tác giả, giống

nguyên chủng cho đến giống thương phẩm. Giống phải có nguồn gốc rõ ràng, có hướng dẫn qui trình thâm canh và đã trồng thực nghiệm đạt kết quả tốt. Nhà nước xây dựng chế tài đủ mạnh để buộc các đơn vị cung ứng giống phải chịu trách nhiệm về chất lượng giống. Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ sở này.

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế, nông sản phải được sản xuất từ một nền nông nghiệp sạch và an toàn theo các quy trình GAP (Good Agricultural Practice). Hiện chúng ta mới bắt đầu áp dụng một số tiêu chuẩn VietGAP vào sản xuất, rau quả, chè là những nông sản được áp dụng đầu tiên, sau đó sẽ mở rộng đến gạo, mía, tiêu, điều...Cả nước hiện có 15 mô hình sản xuất áp dụng VietGAP, tập trung ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, trong đó Tiền Giang là một trong những địa phương đi tiên phong về sản xuất theo các tiêu chuẩn GAP với một số sản phẩm như vú sữa Lò Rèn, lúa ở Mỹ Thành Nam. Để đẩy nhanh việc áp dụng VietGAP vào quá trình sản xuất, trước mắt cần xây dựng hoàn chỉnh qui hoạch các vùng sản xuất rau quả, chè an toàn tập trung ở 100% tỉnh, thành trong cả nước trong giai đoạn 2011- 2012, phấn đấu đạt 50% các tổ chức, cá nhân tại các vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện sản xuất, sơ chế sản phẩm rau quả, chè phù hợp với tiêu chuẩn VietGAP và 30% lượng nông sản được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Cấp chứng nhận các tiêu chuẩn GAP trực tiếp cho nông hộ để làm lan tỏa nhanh việc áp dụng các tiêu chuẩn GAP

vào sản xuất, khắc phục tình trạng hiện nay chỉ cấp chứng nhận đạt các tiêu chuẩn GAP thông qua hợp tác xã nhưng trên thực tế hầu hết các đơn vị kinh tế hợp tác còn quá yếu.

2.2. Tăng cường liên kết để nâng cao sức cạnh tranh

Trung Quốc là thành viên của WTO, vì vậy để nông sản thâm nhập thuận lợi vào thị trường này thì từ sản xuất đến thu hoạch và đóng gói phải phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Điều này đòi hỏi *phải có sự liên kết chặt chẽ giữa người nông dân với nhau, giữa nông dân với doanh nghiệp để khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, tự phát*. Người nông dân cần thay đổi tư duy, liên kết với nhau tạo thành tổ sản xuất hoặc hợp tác xã, những chủ thể này sẽ là đầu mối trung gian giữa nông dân và doanh nghiệp để đảm bảo hài hoà lợi ích của cả hai phía. Tổ chức hiệu quả các chuỗi giá trị ngành hàng, đảm bảo quyền lợi của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị bằng cách tăng cường môi trường cạnh tranh lành mạnh. Xây dựng tốt mô hình liên kết “Bốn nhà” (Nhà nông - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học - Nhà nước), với cơ chế: doanh nghiệp cùng tham gia đầu tư vào sản xuất như cung cấp giống, phân bón và bao tiêu toàn bộ sản phẩm; nhà nông thực hiện thâm canh đúng quy trình kỹ thuật, thu hoạch và bán sản phẩm cho doanh nghiệp theo hợp đồng đã ký; Nhà khoa học nghiên cứu giống và quy trình canh tác phù hợp, hướng dẫn và chuyển giao kỹ thuật cho nông dân; Nhà nước hỗ trợ phát triển bằng cơ chế quản lý phù hợp, cung cấp thông tin và định hướng cho sản xuất, xuất khẩu.

2.3. Nâng cao vai trò của hiệp hội ngành hàng

Để cạnh tranh hiệu quả tại thị trường Trung Quốc, các doanh nghiệp cần xây dựng mối liên kết chặt chẽ như liên kết vùng, liên kết ngành, liên kết kinh doanh để tạo ra sức mạnh trong đàm phán ký kết hợp đồng tránh tình trạng mạnh ai lấy làm, tranh mua, tranh bán để tạo ra kẽ hở để đối tác ép cấp, ép giá. Hiệp hội có vai trò rất quan trọng, là trung gian “bà đỡ” trong mọi chủ trương, điều phối và thực hiện liên minh doanh nghiệp. Hiệp hội cũng là đầu mối cung cấp thông tin giúp doanh nghiệp nắm bắt kịp thời các thay đổi trong chính sách nhập khẩu của Trung Quốc.

Hiệp hội tư vấn cho Chính phủ có biện pháp tích cực như xây dựng các rào cản kỹ thuật thích hợp để bảo hộ hợp lý cho người nông dân trong cạnh tranh trên thị trường; tham mưu cho Chính phủ, các Bộ, ngành và chính quyền địa phương trong xây dựng các chủ trương, cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy phát triển ngành hàng. Hiệp hội hỗ trợ các hội viên áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông sản.

2.4. Đẩy mạnh thông tin thị trường và xúc tiến thương mại

Xây dựng các tổ chức chuyên trách nghiên cứu thị trường Trung Quốc để thu thập và cung cấp thông tin nhanh chóng, hiệu quả cho các cấp lãnh đạo trong xây dựng chiến lược kinh doanh và chỉ đạo công tác điều hành; cung cấp thông tin qua

các phương tiện thông tin đại chúng, qua các tổ chức khuyến nông, các cấp chính quyền, đoàn thể tới người sản xuất để họ có căn cứ điều chỉnh sản xuất cho phù hợp với nhu cầu thị trường.

Đã đến lúc, Chính phủ cần một quyết tâm thực sự trong công tác này, thể hiện bằng một chương trình đầu tư thật cụ thể. Chỉ cần bỏ ra 0,5% doanh thu xuất khẩu gạo cho đội ngũ phân tích để làm tốt công tác dự báo phục vụ kinh doanh và xây dựng chính sách, là chúng ta có thể đem lại lợi ích cho hàng triệu nông dân.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Tham tán thương mại, các cơ quan lãnh sự Việt Nam tại Trung Quốc. Đây là đầu mối thu thập và cung cấp thông tin thương mại thường xuyên, nhanh nhất về thị trường Trung Quốc.

Các tỉnh có đường biên giới với Quảng Tây và Vân Nam trong khuôn khổ hợp tác địa phương cần xây dựng cơ chế phối hợp cung cấp thông tin cho nhau để tuyên truyền cho doanh nghiệp hai bên biết về những quy định mới, những thay đổi trong chính sách thương mại nói chung và chính sách biên mậu nói riêng.

Đối với việc xúc tiến thương mại, hiện các tỉnh biên giới đang tiến hành riêng lẻ vì vậy nên giao cho Bộ Công thương làm cơ quan đầu mối phối hợp những hoạt động này. Chính phủ tạo điều kiện cho doanh nghiệp xuất khẩu nông sản mở văn phòng đại diện ở Trung Quốc để tăng cường cơ hội tiếp cận trực tiếp với người tiêu dùng.

Xây dựng một chương trình quảng bá, quảng cáo có tính hệ thống, thường xuyên, liên tục cho hàng xuất khẩu vào Trung

Quốc. Các chương trình xúc tiến thương mại cần xác định rõ mặt hàng trọng điểm, địa bàn trọng điểm, biện pháp trọng điểm để tập trung tối đa kinh phí cho quảng bá từng sản phẩm tại Trung Quốc.

2.5. Phối hợp đẩy mạnh mậu dịch biên giới.

Hai Chính phủ cần cam kết tiếp tục khuyến khích và mở rộng thương mại biên giới. Xây dựng cơ chế phối hợp trao đổi định kỳ giữa cấp tỉnh và các ban ngành của hai nước để tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong quản lý và giám sát buôn bán biên giới tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hai bên về trao đổi hàng hóa, kiểm nghiệm, kiểm dịch và thanh toán. Đề nghị hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam nhân rộng mô hình hợp tác (cơ chế gặp nhau định kỳ mỗi năm một lần giữa lãnh đạo hai tỉnh Lào Cai và Vân Nam) với các tỉnh biên giới của Việt Nam. Các cơ quan hữu quan ở Trung ương và địa phương cần chủ động phối hợp với các đối tác Trung Quốc, nhất là hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam để tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu nông sản qua biên giới.

2.6. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho trao đổi thương mại.

Chính phủ cần quy hoạch hệ thống cửa khẩu trên cả nước, đầu là cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu quốc gia để việc đầu tư cho các cửa khẩu được trọng tâm, tránh tình trạng các tỉnh đều muốn nâng cấp cửa khẩu lên một cấp trong khi phía Trung Quốc không muốn.

Nhà nước cần tiếp tục đầu tư phát triển có trọng điểm đối với các khu kinh tế của

khẩu, những ưu tiên về tài chính trước hết nên tập trung cho kết cấu hạ tầng như cửa khẩu, kho tàng, bến bãi, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cụm dân cư biên giới. Hiện nay chính sách phát triển thương mại biên mậu của hai bên biên giới quá chênh lệch, Trung Quốc đã phát triển chợ, trung tâm thương mại ở biên giới hàng chục năm qua trong khi Việt Nam chưa làm được gì nhiều, ưu đãi cho nhà đầu tư trong và ngoài nước vào khu kinh tế cửa khẩu cũng không khác so với ưu đãi thu hút đầu tư trong nội địa. Năm 2010, Chính phủ đã phê duyệt đề án phát triển thương mại nông thôn tới năm 2015 và định hướng 2020, trong đó có mục tiêu thu hút đầu tư hơn 1.500 tỉ đồng để cải tạo, nâng cấp 142 chợ biên giới và xây thêm 276 chợ, trung tâm thương mại biên giới. Để phát huy nội lực, ngoài các nguồn hỗ trợ từ ngân sách, Chính phủ cần có chính sách ưu đãi về thuế, về giá và thời hạn thuê đất để thu hút vốn đầu tư cho các dự án phát triển khu vực biên giới như miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu, giảm 50% đối với 3 năm tiếp theo cho các dự án về thương mại, các dự án đầu tư vào sản xuất, xây dựng, giao thông, thông tin liên lạc có thời gian thu hồi vốn dài hơn thì miễn thuế thu nhập trong 5 năm đầu và giảm 50% cho 5 năm tiếp theo, giá thuê đất có thể giảm 30% so với các khu vực khác trong nội địa, thời hạn thuê đất có thể kéo dài tới 70 năm.

Cải tạo kỹ thuật tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai và Hà Nội - Lạng Sơn theo khổ tiêu chuẩn quốc tế là 1.435mm, được điện khí hóa để hòa mạng vào các trục đường sắt của hai nước và được đặt trong

quy hoạch tổng thể hệ thống đường sắt xuyên Á trong tương lai.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai để kết nối vào tuyến Hà Khẩu - Côn Minh của Trung Quốc, mở rộng tuyến Hà Nội - Lạng Sơn để tăng tốc độ lưu thông xe.

Việt Nam cần tích cực phối hợp với Trung Quốc để phát triển hệ thống giao thông đường thủy, trước mắt tập trung nạo vét đường thủy trên sông Hồng, xây dựng, nâng cấp một số cảng sông và hệ thống kho bãi để chuẩn bị khai thông tuyến vận tải đường thủy quốc tế trên sông Hồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Định hướng và giải pháp phát triển xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Trung Quốc giai đoạn 2006 - 2010*; Vụ châu á Thái Bình Dương - Bộ Thương mại (2004)
2. *Dự thảo đề án phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa với Trung Quốc giai đoạn 2007 - 2015*; Vụ Châu Á - Thái Bình Dương, Bộ Thương mại (2007)
3. *Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn trong công nghiệp hóa hiện đại hóa thời kỳ 2001 - 2010*; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
4. *Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu thời kỳ 2001 - 2010*; Bộ Thương mại 21/08/2000.
5. www.mofa.gov.vn; www.agroviet.gov.vn; www.customs.gov.vn

